| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 30/2023/DS-PT<br>Ngày 17-01-2023<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Trung Dũng

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 409/2022/TLPT-DS ngày 07/12/2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 337/2020/QĐPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị G, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà 238, tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị G: ông Phan Thanh N, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 198/6, đường M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: số nhà 194, đường ĐX 071, khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền ngày 06/12/2021).

- *Bị đơn*:

1. Ông Võ Chung H, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố 9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố 9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Võ Minh H1, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố 9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H, bà T, ông H1: ông Lê Trọng C, sinh năm 1981; thường trú: số nhà 47, đường K, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 23/3/2021, 06/5/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Trương Công H2, sinh năm 1973; địa chỉ: số nhà 238, tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

*Người kháng cáo*: bị đơn ông Võ Chung H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị G, ông Phan Thanh N trình bày*:

Do có mối quan hệ quen biết nhau và tin tưởng vào uy tín và địa vị xã hội của ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Võ Minh H1 nên nguyên đơn có cho ông H, bà T, ông H1 vay tiền để đầu tư kinh doanh bất động sản và trang trại nuôi heo với tổng số tiền 16.450.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 17/10/2019, nguyên đơn cho ông H, bà T, ông H1 vay số tiền 300.000.000 đồng;

- Ngày 18/10/2019, nguyên đơn cho ông H, bà T, ông H1 vay số tiền 3.150.000.000 đồng;

- Ngày 27/3/2020, nguyên đơn cho ông H, bà T, ông H1 vay số tiền 2.450.000.000 đồng;

- Ngày 22/4/2020, nguyên đơn cho ông H, bà T, ông H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng;

- Ngày 09/5/2020, nguyên đơn cho ông H, bà T, ông H1 vay số tiền 2.300.000.000 đồng;

- Ngày 03/12/2020, nguyên đơn cho ông H, bà T vay số tiền 7.250.000.000 đồng;

Nguyên đơn và ông H, bà T, ông H1 thống nhất tự nguyện thỏa thuận mức tiền lãi là 01%/tháng (30 ngày) và thanh toán tiền lãi hàng tháng hoặc thanh toán tiền lãi tại thời điểm trả tiền nếu chưa đủ 01 tháng.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay tiền của nguyên đơn thì ông H, bà T, ông H1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và trả tiền cho nguyên đơn như thỏa thuận. Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu ông H, bà T, ông H1 thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và trả tiền cho nguyên đơn như thỏa thuận với nguyên đơn nhưng ông H, bà T, ông H1 không thực hiện và cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Đồng thời, qua tìm hiểu nguyên đơn được biết ông H, bà T, ông H1 đang cố ý thực hiện những hành vi gian dối để tẩu tán tài sản nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thanh

toán tiền lãi và trả tiền nợ cho nguyên đơn. Hành vi nêu trên của ông H, bà T, ông H1 là vi phạm thỏa thuận với nguyên đơn, vi phạm quy định của pháp luật, xâm hại nghiêm trọng quyền lợi, tài sản hợp pháp của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Võ Chung H và bà Nguyễn Thị Hồng T liên đới trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 14.150.000.000 đồng (theo các Giấy vay nợ ngày 17/10/2019, 18/10/2019, 27/3/2020, 22/4/2020 và 03/12/2020); yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/02/2021 đến ngày vụ án đưa ra xét xử sơ thẩm;

2. Buộc ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Minh H1 liên đới trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 2.300.000.000 đồng (theo Giấy vay nợ ngày 09/5/2020); yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/02/2021 đến ngày vụ án đưa ra xét xử sơ thẩm;

*- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Võ Chung H là ông Lê Trọng C trình bày*:

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Bị đơn thừa nhận có vay mượn tiền của nguyên đơn để làm ăn và việc vay mượn diễn ra nhiều lần. Tuy nhiên, nguyên đơn cho bị đơn vay với lãi suất rất cao và tính lãi ngày là từ 03% - 05%/ngày (bị đơn chưa tìm được chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi nên chưa cung cấp được cho Tòa án). Đến ngày 03/12/2020 thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã chốt nợ xong và nguyên đơn còn nợ lại bị đơn số tiền 7.250.000.000 đồng. Kể từ sau thời điểm chốt nợ thì bị đơn tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn được 900.000.000 đồng. Hiện nay bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 6.350.000.000 đồng. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 6.350.000.000 đồng.

Bị đơn chỉ thừa nhận chữ ký và chữ viết trong Giấy mượn tiền ngày 03/12/2020 là của bị đơn. Đối với các giấy mượn tiền còn lại do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký, chữ viết của bị đơn (bị đơn chưa yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết).

Bị đơn khẳng định đây là khoản vay riêng của mình, không liên quan gì đến ông H1 và bà T, ông H1 có ký vào các giấy vay mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp là vì bị đơn nhờ ông H1 ký và mang tiền về cho bị đơn, riêng đối với việc bà T ký vào Giấy mượn tiền ngày 03/12/2020 là vì lúc này nguyên đơn đến nhà bị đơn ký chốt nợ và thời điểm này bà T là vợ của bị đơn đang có mặt ở nhà nên ký vào Giấy mượn tiền ngày 03/12/2020 để nguyên đơn yên tâm.

*- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T là ông Lê Trọng C trình bày*:

Bà T là vợ của ông Võ Chung H, việc ông Võ Chung H vay tiền của nguyên đơn thì bà T không biết, đây là nợ riêng của ông H, không liên quan đến bà T. Bà T thống nhất với phần trình bày của bị đơn ông Võ Chung H.

*- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Võ Minh H1 là ông Lê Trọng C trình bày*:

Ông Võ Minh H1 là cháu họ của ông Võ Chung H, đây là nợ riêng của ông H, không liên quan đến ông H1. Ông H1 thống nhất với phần trình bày của bị đơn ông Võ Chung H.

*- Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H2 trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị G.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01/8/2022, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G đối với các bị đơn ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Minh H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc bị đơn ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Thị G tổng số tiền 15.339.548.000 đồng (mười lăm tỷ ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 14.150.000.000 đồng (mười bốn tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh là 1.189.548.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

1.2. Buộc bị đơn ông Võ Minh H1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Thị G tổng số tiền 2.639.644.000 đồng (hai tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh là 339.644.000 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/8/2022 bị đơn ông Võ Chung H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Thanh N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng vay tiền ngày 17/10/2019, ngày 18/10/2019, ngày 27/3/2020 và ngày 22/4/2020 với tổng số tiền 6.900.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Trọng C đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Trọng C xác định chỉ kháng cáo tại mục 1.1 phần số 01 của quyết định Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của TAND P, tỉnh Bình Dương. Đối với phần quyết định của Bản án sơ thẩm tại mục 1.2 thì không kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Thanh N và đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Trọng C thống nhất thỏa thuận như sau: bị đơn ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T phải thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Thị G số tiền còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 03/12/2020 là 6.700.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01/02/2021 đến 01/01/2023 là 23 tháng, với số tiền lãi được tính như sau: 6.700.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng = 1.279.030.000 đồng. Tổng cộng là: 7.979.030.000 đồng, trong đó nợ gốc là 6.700.000.000 đồng, tiền lãi là 1.279.030.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; đối với phần rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút; đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H2 có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H2 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Thanh N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng vay tiền ngày 17/10/2019, ngày 18/10/2019, ngày 27/3/2020 và ngày 22/4/2020 với tổng số tiền 6.900.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Trọng C đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các hợp đồng vay tiền ngày 17/10/2019, ngày 18/10/2019, ngày 27/3/2020 và ngày 22/4/2020.

[4] Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Trọng C xác định chỉ kháng cáo tại mục 1.1 phần số 01 của quyết định bản án sơ thẩm. Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm tại mục 1.2 thì không kháng cáo. Do vậy, phần quyết định trên của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét

xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét trong phạm vi kháng cáo còn lại của bị đơn.

[5] Nguyên đơn bà Phạm Thị G khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Vũ Chung Hai, bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả số tiền 7.250.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 03/12/2020 và tiền lãi đối với số tiền trên. Thời gian được tính từ ngày 01/02/2021 đến 01/01/2023 là 23 tháng, với mức lãi suất 10%/năm tức là 0,83%/tháng.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Thanh N và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Trọng C thống nhất thỏa thuận như sau:

Bị đơn ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T phải thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Thị G số tiền còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 03/12/2020 là 6.700.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01/02/2021 đến 01/01/2023 là 23 tháng, với số tiền lãi được tính như sau: 6.700.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng = 1.279.030.000 đồng.

Tổng cộng là: 7.979.030.000 đồng, trong đó nợ gốc: 6.700.000.000 đồng, tiền lãi 1.279.030.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 293, Điều 299, Điều 300, Điều 311, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Chung H.

2. Huỷ một phần Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G, cụ thể: buộc ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T trả tiền nợ theo các Hợp đồng vay tiền ngày 17/10/2019, ngày 18/10/2019, ngày 27/3/2020 và ngày 22/4/2020.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn như sau:

Ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị G số tiền 7.979.030.000 đồng (bảy tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc: 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng), tiền lãi 1.279.030.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T chậm trả số tiền nợ nêu trên thì ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Chung H, bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 115.979.000 đồng (một trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị G số tiền 62.225.000 đồng (sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 3915 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

4. Một phần Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã phát sinh hiệu lực như sau:

4.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G đối với bị đơn ông Võ Minh H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản":

Buộc bị đơn ông Võ Minh H1 thanh toán cho nguyên đơn bà Phạm Thị G tổng số tiền 2.639.644.000 đồng (hai tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là: 339.644.000 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Minh H1 chậm trả số tiền nợ nêu trên thì ông Võ Minh H1, còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm, ông Võ Minh H1 phải nộp số tiền là 84.793.000 đồng (tám mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Chung H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008388 ngày 10 tháng 08 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Trung Dũng**